

BUÖI (38)

- 1. Vるのは Tính từ です。
- 2. V るのが Tính từ です。
- 3. V るのを忘れました。
- 4. ~のを知っていますか。
- 5. 普通形のは N です。



復習:

- V ることができます。
- Vたことがあります。
- Vることです。
- 1. Vるのは Tính từ です。



Kiến thức

接続:

Vるのは Tính từ です。

意味:

V thì...

ポイント:

- Mẫu câu danh từ hóa với trợ từ l‡
- Miêu tả rõ một hành động, nhấn mạnh điều chủ thể muốn nói. →感想、評価

注意:

Sau lt thường là những tính từ sau:

<u> </u>		
面白い	楽しい	つまらない
寂しい	危険	気持ちがいい
大変	優しい	体にいい
難しい	簡単	۷.
無理	気持ちが悪い	

例文:

Nói chuyện với Thầy Tuyền rất vui.	
_	



$\overline{\gg}$

Luyện tập

1	A: Tuyen 先生と日本語を勉強する	_どうですか。
---	----------------------	---------

Ŗ.	Tuyen 先生と日本語を勉強する	3	: 1	-
υ.	Tuyen儿土と日平町で池独りる	J C	9	(

2	A: 日本で一人で	(生活します=>)大変ですか。
	B: はい、日本で	一人で(生活します=>_)本当に大変です

3 一人で全部持つのは (無理 / 大変 =>_____) よ



2. Vるのが Tính từ です。



Kiến thức

接続:

Vるのが Tính từ です。

意味:

V thì A...

ポイント:

- Mẫu câu danh từ hóa với trợ từ か
- Miêu tả rõ thích hay ghét việc làm nào... → 趣味、能力

注意:

Các tính từ thường là các tính từ chỉ yêu, ghét, ...

好き、きらい、はやい、おそい、上手、下手。。。

例文:

Tôi thích việc chơi thể thao.

\Rightarrow	
---------------	--





Luyện tập

- 2 パソコンを(打ちます=>_____)です。私も上手になりたいです。
- 3 A: (ナンパします=>______) 上手ですか。

B: いいえ、_____

4 A: 東京はどうですか。

B: 人がおおいですね。それにみんな歩く_____早いです。

3. Vるのを忘れました。



Kiến thức

接続:

Vるのを忘れました。

意味:

Quên làm V



ポイント:

- Mẫu câu danh từ hóa với với trợ từ を
- Nói về việc quên thực hiện 1 hành động hay việc làm nào đó.

例文:

Tôi đã đi mua nhưng tôi lại lỡ quên mua trứng mất rồi!

 \Rightarrow



Duyện tập

- 1 A: 帰る前、エアコンを消す______ください。
 - B: はい、分かりました。
- 2 A: ドア / かぎ / かける / 忘れた / ありますか。

⇒

B: はい、

3 A: 財布を持っていくのを______ですが、お金を貸 してくれませんか。

B: ええ、いいですよ。いくらですか。

4. Vるのを知っていますか。



Kiến thức

接続:



意味:

Có biết chuyện V không?

ポイント:

Câu hỏi về việc có biết 1 việc hay 1 vấn đề gì đó không?

例文:

Bạn có biết ở Nhật con gái tặng chocolate cho con trai vào Valentine?



MỞ RỘNG:

知りません	知りませんでした
Sau khi hỏi vẫn không biết	Nhờ có câu hỏi đã biết được tin này.



Luyện tập

- 1 日本ではクリスマスにケンタッキー・フライド・チキンを食べる ?
- 2 A: では、東京ディズニーランドが東京にない_____?
 B: いいえ、知りませんでした。

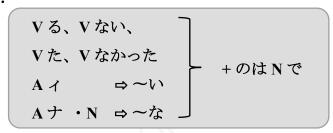
B: いいえ、知りませんでした。

- 4 A: Ngoc さんのあかちゃんが(生まれました=> ______)?
 - B: はい、知っています。娘さんですね。
- 5. Thể thông thường のは N です。



Kiến thức

接続:



意味:

Điều/việc... là ~

ポイント:

Mẫu câu nhấn manh danh từ. (強調)



	例文:
	私が好き静かな所です。
	一年で一番忙しいです。
	日本へ来た今年の2月です。
(S)	Duyện tập
1	A: お待たせしました。アイスコーヒーです。
	B: え!違いますよ。私が、ホットコーヒーです。
	アイスコーヒーではありません。
2	A: 昨日女の人と町を歩いていたでしょう?彼女でしょう?
_	B: あ、あ、えっと!違います!昨日一緒に
3	A: Ở Tokyo chỗ nào là náo nhiệt nhất thế ?
	⇒ °
	D
	B: À đó là Shibuya.
	→。